

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương
2. Ông Thượng Văn Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Vũ Trang Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 62, đường số 2, khu dân cư I, Tổ 65, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 62, đường số 2, khu dân cư I, Tổ 65, Khu phố 5, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 13/5/2019, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Vũ Trang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Vũ Trang Đ và ông Huỳnh Đức N chung sống với nhau từ năm 2007, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyền số 01/2007, ngày 28/5/2007

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, khoảng năm 2016, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, mâu thuẫn, vợ chồng tự hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và mệt mỏi. Hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung. Vì vậy, nay thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà Đ không còn tình cảm với ông N, không thể hàn gắn được nên bà Trần Vũ Trang Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Đức N.

Về con chung: Bà Trần Vũ Trang Đ và ông Huỳnh Đức N có 03 con chung là Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà Đ. Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Vũ Trang Đ yêu cầu ông Huỳnh Đức N phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay bà Đ đang làm nhân viên công ty thu nhập khoảng 23.000.000 đồng/tháng. Còn ông N thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Vũ Trang Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Trần Vũ Trang Đ (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của con, bản cam kết (bản sao).

2. Bị đơn ông Huỳnh Đức N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Đức N.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Trần Vũ Trang Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Huỳnh Đức N vắng mặt không có lý do.
- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Vũ Trang Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Đức N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 14 tháng 5 năm 2019, bà Trần Vũ Trang Đ có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Huỳnh Đức N. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Trần Vũ Trang Đ khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Huỳnh Đức N, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Huỳnh Đức N đang cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Vũ Trang Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Đức N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Vũ Trang Đ và ông Huỳnh Đức N chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 42, quyển số 01/2007, ngày 28/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà Đ và ông N là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà Đ và ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Đ xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã không còn sống chung, nên bà Đ quyết định ly hôn với ông N.

Việc bà Đ và ông N không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông N vắng mặt điều này chứng tỏ ông N không mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà Đ, ông N cư trú cho biết: Bà Đ và ông N là vợ chồng, quá trình chung sống vợ chồng bà Đ và ông N sống khép kín, thường xuyên đóng cửa nhà nên địa phương không biết vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không.

Tuy nhiên, bà Đ xác định hiện nay không còn tình cảm với ông N, vợ chồng không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà Đ và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông N là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Vũ Trang Đ đối với ông Huỳnh Đức N.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Vũ Trang Đ và ông Huỳnh Đức N có 03 con chung là Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 và Huỳnh Quốc H, sinh 26/9/2014. Hiện nay con chung đang sống cùng bà Đ. Sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Xét thấy, hiện nay cháu các con đang sống cùng bà Đ, ông N không có văn bản trình bày về nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án các con là Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009; Huỳnh

Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Trần Vũ Trang Đ. Đối với con chung là Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao các con chung là Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 cho bà Trần Vũ Trang Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà Đ về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Vũ Trang Đ yêu cầu ông Huỳnh Đức N phải cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc bà Đ yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, vì vậy cần buộc ông N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Trần Vũ Trang Đ phải nộp 300.000 đồng; ông Huỳnh Đức N phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Vũ Trang Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Huỳnh Đức N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Vũ Trang Đ được ly hôn với ông Huỳnh Đức N.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009; Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 và Huỳnh Quốc H, sinh 26/9/2014 cho bà Trần Vũ Trang Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Huỳnh Đức N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cụ thể: Cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Đức D, sinh ngày 13/01/2009 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Huỳnh Quốc V, sinh ngày 16/7/2011 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và Huỳnh Quốc H, sinh ngày 26/9/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Huỳnh Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Bà Trần Vũ Trang Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034108, ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Ông Huỳnh Đức N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

